

TIÊU CHUẨN NGÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM BỘ Y TẾ	TIÊU CHUẨN SỨC KHOẺ - PHÂN LOẠI ĐỂ KHÁM TUYỂN, KHÁM ĐỊNH KỲ	Quyết định Số: 1613/BYT-QĐ
		<i>Có hiệu lực từ 15/08/1997</i>

I - QUY ĐỊNH CHUNG:

1. Tiêu chuẩn này áp dụng cho việc phân loại sức khỏe để khám tuyển, khám định kỳ, khám đổi nghề vì sức khỏe của các công dân Việt Nam vào học ở các trường Đại học, Trung học Chuyên nghiệp trường Dạy nghề và vào làm việc ở các tổ chức sản xuất kinh doanh của nhà nước, của tư nhân, các tổ chức liên kết liên doanh với nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đối với các nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì tiêu chuẩn này là tiêu chuẩn sơ tuyển. Việc khám tuyển chính thức sẽ dựa vào tiêu chuẩn khám tuyển của từng nghề, công việc đó.

3. Công dân Việt Nam từ 15 tuổi trở lên không bị các bệnh cấp tính là đối tượng của tiêu chuẩn này.

4. Tiêu chuẩn quy định có 5 loại sức khỏe:

-Loại I : Rất khỏe

-Loại II : Khỏe

-Loại III : Trung bình

-Loại IV : Yếu

-Loại V : Rất yếu

II- TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI SỨC KHOẺ

1. Bệnh tật:

RĂNG HÀM MẶT					
Răng sâu					
23.1. Không có răng sâu	x				
23.2. Răng sâu men, ngà từ 1-3 cái, không đau hoặc đã trám		x			
23.3. Răng sâu men, ngà từ 4-5 cái, không đau hoặc đã trám			x		
23.4- Răng sâu men, ngà từ 6 cái trở lên				x	
Mất răng:					
(Xem phụ lục 3: Mất sức nhai)					
24.1- Đủ răng không kể răng khôn	x				
24.2- Mất 1 - 2 răng, sức nhai còn trên 90 %		x			
24.3- Mất răng sức nhai còn từ 81 - 90 %			x		
24.4- Mất răng sức nhai còn từ 61 - 80 %				x	
24.5- Mất răng sức nhai còn dưới 61 %					x
Viêm quanh răng:					
(Xem tiêu chuẩn phân loại viêm và túi lợi bệnh lý: Phụ lục 4)					
25.1- Không viêm	x				
25.2- Viêm quanh răng, ở 4 -5 răng, túi lợi sâu độ 3 trở lên		x			
25.3- Viêm quanh răng ở 6 - 11 răng, túi lợi sâu độ 3 trở lên			x		
25.4- Viêm quanh răng từ 12 răng trở lên, túi lợi sâu độ 3 trở lên				x	

Nếu viêm quanh răng nặng, răng lung lay nhiều không còn tác dụng nhai, có chỉ định nhổ thì coi như răng đó bị mất và tính theo tỷ lệ mất sức nhai.					
Răng viêm tuỷ, tuỷ hoại tử, viêm quanh cuống:					
26.1- Không có	x				
26.2- Có 1 - 2 răng bị viêm tuỷ, viêm quanh cuống đã chữa khỏi		x			
26.3- Có 1- 2 răng bị viêm tuỷ, viêm quanh cuống, răng không được điều trị (hàn ống tuỷ)			x		
Răng khôn:					
27.1- Bình thường	x				
27.2- Có biến chứng đã điều trị tốt		x			
27.3- Răng khôn đang biến chứng			x		
Xương hàm:					
28.1- Bình thường	x				
28.2- Gãy đã liền, khớp cắn không di lệch, sức nhai tốt			x		
28.3- Khớp cắn di lệch ít, còn nhai được				x	
28.4- Khớp cắn di lệch nhiều, ảnh hưởng tới sức nhai					x
Viêm lợi:					
29.1- Không viêm	x				
29.2- Viêm lợi không quá ½ số răng		x			
29.3- Viêm lợi trên ½ số răng			x		
Viêm tuyến mang tai:					
30.1- Không viêm	x				
30.2- Viêm đã chữa khỏi, không tái phát từ 1 năm trở lên		x			
30.3- Viêm tuyến mang tai mạn tính đã ổn định			x		
Sứt môi, khe hở vòm miệng:					
31.1- Không có	x				
31.2- Khe hở môi đơn, không hở vòm miệng		x			
31.3- Khe hở môi đã vá lành, ít ảnh hưởng tới phát âm và thẩm mỹ		x			
31.4- Lưỡi gà tách đôi, khe hở nhỏ đã vá ở vòm miệng mềm, nói không ngọng			x		
31.5- Khe hở vòm miệng đã vá lành và có ảnh hưởng tới phát âm				x	
31.6- Khe hở môi kèm khe hở vòm miệng					x

Phụ lục 1

8. Mất răng (chỉ tiêu 24):

- Mất một răng coi như mất cả răng cùng số đối diện với mặt nhai. Sức nhai được đánh giá theo phụ lục số 3.

- Răng bị lung lay đến mức độ không điều trị được cần phải nhổ hoặc mất hết chân răng hoặc chỉ còn chân răng thì coi như mất răng.

Phụ lục 3: PHÂN LOẠI MẤT SỨC NHAİ

Hàm trên	Sức nhai %	2	5	5	3	3	4	1	2	2	1	4	3	3	5	5	2
	Răng số	8	7	6	5	4	3	2	1	1	2	3	4	5	6	7	8
Hàm dưới	Răng số	8	7	6	5	4	3	2	1	1	2	3	4	5	6	7	8
	Sức nhai %	2	5	5	3	3	4	2	1	1	2	4	3	3	5	5	2

Phụ lục 4: PHÂN LOẠI TÚI LỢI BỆNH LÝ TRONG VIÊM QUANH RĂNG

Độ 1: Chảy máu lợi tự nhiên

Độ 2: Chảy máu lợi + vôi (cao) răng (từ 6 răng trở lên)

Độ 3: Túi lợi dưới 4 mm.

Độ 4: Túi lợi trên 5 mm